

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HS-ST
Ngày 17- 6 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ái Hà

Ông Trần Sơn Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát Viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo B định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Đức A, sinh ngày 14/8/1992 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện N, thành phố H; Chỗ ở: Khu phố V, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Đức M, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Trịnh Thị Y, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Đồng Văn B, sinh ngày 24/9/2000 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn Y, xã G, huyện N, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; bị cáo có vợ là Bùi Thị D, sinh năm 2000; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Doãn C, sinh ngày 18/10/2000 tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn Z, xã M, huyện N, thành phố H; Chỗ ở: Khu phố V, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Doãn H, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1973; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị V, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Mai Đức D, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Khu phố V, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

5. Bà Lê Thị I, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Khu phố P, phường X, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Anh G, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

7. Ông Bùi Quang N, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu phố T, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 07/2022, Đinh Đức A từ thành phố H đến thị xã M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm nghề cho vay tiền lấy lãi suất cao. Để thuận tiện trong Việc cho người khác vay tiền, A đã thuê Đồng Văn C và Bùi Doãn C giúp A bằng Việc đi phát tờ rơi, đi thu tiền lãi, gốc hàng ngày của người vay ... với mức lương 5.000.000 đồng/ tháng/ người.

Cách thức A cho người khác vay tiền như sau: Khi những người có nhu cầu vay tiền, các đối tượng sẽ liên lạc qua số điện thoại “0896.996.434” và số điện thoại “0365.321.811” để gặp A và được A hướng dẫn về Việc cho vay tiền, số tiền khách thực nhận, tiền phí, số tiền góp hàng ngày và số ngày trả góp. A sẽ xuống tận nơi để cho vay tiền. Những người vay tiền của A phải cung cấp căn cước công dân, giấy phép lái xe hoặc các giấy tờ tùy thân khác để chứng minh bản thân và yêu cầu người vay Vết giấy nợ cho lần vay đầu tiên, cũng có một số N hợp không

cần Vết giấy nợ. Khi cho người khác vay tiền, A tính lãi suất theo cách thức như sau:

+ Vay trả góp cả gốc lẫn lãi trong vòng 25 ngày. Lãi suất của khoản vay là 365%/năm. Ví dụ, người vay muốn vay số tiền 1.000.000đ, trả góp cả gốc lẫn lãi trong vòng 25 ngày, mỗi ngày sẽ góp 50.000đ kể từ ngày vay, phí vay tương ứng với 01 ngày góp là 50.000đ nên người vay chỉ nhận được số tiền 900.000đ sau khi trừ phí vay và tiền góp cho ngày đầu tiên. Số tiền góp đủ 25 ngày là 1.250.000đ.

+ Vay trả góp cả gốc lẫn lãi trong vòng 31 ngày. Lãi suất của khoản vay là 282.58%/năm. Ví dụ, người vay muốn vay số tiền 1.000.000đ, trả góp cả gốc lẫn lãi trong vòng 31 ngày, mỗi ngày 40.000đ kể từ ngày vay, phí vay tương ứng với 01 ngày góp là 40.000đ nên người vay chỉ nhận được số tiền 920.000đ sau khi trừ phí vay và tiền góp cho ngày đầu tiên. Số tiền góp đủ 31 ngày là 1.240.000đ.

+ Vay trả lãi theo ngày. Lãi suất của khoản vay là 365%/năm. Ví dụ, người vay muốn vay số tiền 1.000.000đ thì phải trả lãi mỗi ngày 10.000đ kể từ ngày vay

Trong N hợp người vay chưa góp đủ số ngày nhưng muốn vay tiếp thì phải “đáo hạn”, nghĩa là phải thanh toán hết số tiền góp còn tH. Số tiền góp còn tH sẽ được trừ trực tiếp vào khoản vay tiếp theo, phí vay được tính như một khoản vay mới nên người vay chỉ nhận được số tiền còn lại và coi như lần vay trước đã trả xong. Ví dụ, người vay số tiền 1.000.000đ, trả góp cả gốc lẫn lãi trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 50.000đ kể từ ngày góp. Sau khi góp được 10 ngày, tương ứng với 500.000đ, còn nợ 15 ngày góp, tương ứng với 750.000đ và muốn vay tiếp số tiền 1.000.000đ, thì người vay thanh toán số tiền góp còn lại, phí vay của khoản vay mới là 50.000đ và đóng tiền góp ngày đầu tiên thì số tiền thực nhận của khoản vay tiếp theo là 150.000đ.

Sau khi đồng ý cho vay tiền thì A sẽ phân công C hoặc B đi thu tiền hàng ngày cho A. Những người vay tiền của A và C thì B không biết, những người vay tiền của A và B thì C cũng không biết và Vệc A cho ai vay tiền thì C và B không biết. Hàng ngày, những người vay có thể đưa tiền góp trực tiếp hoặc chuyển tiền vào các tài khoản của A, B hoặc C. Sau đó, C và B sẽ đưa lại cho A bằng tiền mặt hoặc chuyển vào các tài khoản ngân hàng của A. Tất cả số tiền gốc cho người khác vay với lãi suất cao là tiền của A. Quá trình điều tra đã xác định, trong thời gian từ khoảng tháng 10/2022 đến ngày 23/3/2023 tại địa bàn thị xã Phú Mỹ, A đã cùng với B hoặc C cho người khác vay tiền lấy lãi suất cao, cụ thể:

Đối với khoản vay ông Bùi Quang N vay của Đinh Đức A, Đồng Văn B:

+ Khoản vay ngày 05/10/2022 số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ vay 25 ngày;

Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 29/10/2022 ông N đã thanh toán cho A, B số tiền 12.500.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 500.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 29/10/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 29/10/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 2.863.014 đồng.

+ Khoản vay ngày 01/11/2022 số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ vay 25 ngày;

Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 25/11/2022 ông N đã thanh toán cho A, B số tiền 12.500.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 500.000 đồng

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/11/2022 đến ngày 25/11/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 01/11/2022 đến ngày 25/11/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 2.863.014 đồng.

+ Khoản vay ngày 22/11/2022 số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ vay 25 ngày;

Từ ngày 22/11/2022 đến ngày 16/12/2022 ông N đã thanh toán cho A, B số tiền 3.500.000 đồng gồm 07 ngày tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 500.000 đồng. Ông N còn nợ A, B số tiền 6.500.000 đồng. Việc A, B không thu được tiền gốc và lãi từ ông N của 16 ngày còn lại là ngoài ý muốn của các bị cáo. Do đó căn cứ Khoản 1 Điều 6 Nghị B 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 số tiền thu lợi bất chính được tính như sau:

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 22/11/2022 đến ngày 16/12/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 22/11/2022 đến ngày 16/12/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 2.863.014 đồng.

Tổng số tiền A, B thu lợi bất chính đối với khoản vay của ông N là 8.598.041 đồng

Đối với khoản vay bà Lê Thị I vay của Đình Đức A, Đồng Văn B:

+ Khoản vay ngày 07/10/2022 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 25 ngày;

Từ ngày 07/10/2022 đến ngày 31/10/2022 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày 31/10/2022 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 68.493 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày 31/10/2022 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.431.507 đồng.

+ Khoản vay ngày 14/12/2022 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 12 ngày;

Từ ngày 14/12/2022 đến ngày 25/12/2022 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày 25/12/2022 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 14/12/2022 đến ngày 25/12/2022 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 760,42\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.467.123 đồng.

+ Khoản vay ngày 25/12/2022 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 25 ngày;

Từ ngày 25/12/2022 đến ngày 18/01/2023 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 18/01/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 68.493 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 25/12/2022 đến ngày 18/01/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.431.507 đồng.

+ Khoản vay ngày 19/01/2023 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 17 ngày;

Từ ngày 19/01/2023 đến ngày 04/02/2023 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày 04/02/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 17 \text{ ngày} = 46.575 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày 04/02/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 536,76\%/\text{năm} \times 17 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.453.425 đồng.

+ Khoản vay ngày 04/02/2023 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 12 ngày;

Từ ngày 04/02/2023 đến ngày 15/02/2023 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 15/02/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 15/02/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 760,42\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.467.123 đồng.

+ Khoản vay ngày 15/02/2023 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 12 ngày;

Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 26/02/2023 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/02/2023 đến ngày 26/02/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 15/02/2023 đến ngày 26/02/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 760,42\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.467.123 đồng.

+ Khoản vay ngày 26/02/2023 số tiền 5.000.000 đồng, chu kỳ vay 25 ngày;

Từ ngày 26/02/2023 đến ngày 22/3/2023 bà I đã thanh toán cho A, B số tiền 6.250.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 250.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/02/2023 đến ngày 22/3/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 68.493 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 22/3/2023 là $5.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 25 \text{ ngày} = 1.250.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 1.431.507 đồng.

Tổng số tiền A, B thu lợi bất chính đối với các khoản vay của bà I là 10.149.315 đồng.

Đối với khoản vay ông Mai Đức D vay của Đình Đức A, Đồng Văn B:

+ Khoản vay ngày 06/10/2022 số tiền 20.000.000 đồng, chu kỳ vay 29 ngày;

Từ ngày 06/10/2022 đến ngày 03/11/2022 ông D đã thanh toán cho A, B số tiền 24.800.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 800.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/10/2022 đến ngày 05/11/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 29 \text{ ngày} = 317.808 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 06/10/2022 đến ngày 05/11/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 302,07\%/\text{năm} \times 29 \text{ ngày} = 4.800.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 5.282.192 đồng.

+ Khoản vay ngày 03/11/2022 số tiền 20.000.000 đồng, chu kỳ vay 24 ngày;

Từ ngày 03/11/2022 đến ngày 26/11/2022 ông D đã thanh toán cho A, B số tiền 25.000.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 1.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 03/11/2022 đến ngày 26/11/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày} = 263.014 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 03/11/2022 đến ngày 26/11/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 380,21\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 5.736.986 đồng.

+ Khoản vay ngày 26/11/2022 số tiền 20.000.000 đồng, chu kỳ vay 15 ngày;

Từ ngày 26/11/2022 đến ngày 10/12/2022 ông D đã thanh toán cho A, B số tiền 25.000.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 1.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/11/2022 đến ngày 10/12/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 15 \text{ ngày} = 164.384 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 26/11/2022 đến ngày 10/12/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 608,33\%/\text{năm} \times 15 \text{ ngày} = 5.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 5.835.616 đồng.

+ Khoản vay ngày 10/12/2022 số tiền 20.000.000 đồng, chu kỳ vay 31 ngày;

Từ ngày 10/12/2022 đến ngày 09/01/2023 ông D đã thanh toán cho A, B số tiền 25.000.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 1.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 09/01/2023 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 424.658 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 09/01/2023 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 282,58\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 6.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 6.575.342 đồng.

Tổng số tiền A, B thu lợi bất chính đối với các khoản vay của ông D là 23.430.137 đồng.

Đối với khoản vay ông Nguyễn Văn P vay của Đình Đức A, Đồng Văn B

+ Khoản vay ngày 18/02/2023 số tiền 200.000.000 đồng, chu kỳ vay 31 ngày;

Từ ngày 18/02/2023 đến ngày 20/3/2023 ông P đã thanh toán cho A, B số tiền 62.000.000 đồng gồm một phần tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 8.000.000 đồng. Ông P còn nợ A, B số tiền 138.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 20/3/2023 là $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 3.397.260 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 18/02/2023 đến ngày 20/3/2023 là $200.000.000 \text{ đồng} \times 282,58\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 48.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 52.602.740 đồng.

Đối với khoản vay bà Nguyễn Thị Thêm vay của Đinh Đức A, Bùi Doãn C:

+ Khoản vay ngày 06/10/2022 số tiền 20.000.000 đồng, chu kỳ vay 16 ngày;

Từ ngày 06/10/2022 đến ngày 21/10/2022 bà Thêm đã thanh toán cho A, C số tiền 24.800.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 800.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/10/2022 đến ngày 21/10/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 16 \text{ ngày} = 175.342 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 06/10/2022 đến ngày 21/10/2022 là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,50\%/\text{năm} \times 16 \text{ ngày} = 4.800.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 5.424.658 đồng.

+ Khoản vay ngày 21/10/2022 số tiền 30.000.000 đồng, chu kỳ vay 24 ngày;

Từ ngày 21/10/2022 đến ngày 13/11/2022 bà Thêm đã thanh toán cho A, C số tiền 37.200.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 1.200.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày 13/11/2022 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày} = 394.521 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày 13/11/2022 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 365\%/\text{năm} \times 24 \text{ ngày} = 7.200.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 8.005.479 đồng.

+ Khoản vay ngày 13/11/2022 số tiền 30.000.000 đồng, chu kỳ vay 26 ngày;

Từ ngày 13/11/2022 đến ngày 08/12/2022 bà Thêm đã thanh toán cho A, C số tiền 37.200.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 1.200.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 13/11/2022 đến ngày 08/12/2022 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 26 \text{ ngày} = 427.397 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 13/11/2022 đến ngày 08/12/2022 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 336,92\%/\text{năm} \times 26 \text{ ngày} = 7.200.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 7.972.603 đồng.

+ Khoản vay ngày 08/12/2022 số tiền 30.000.000 đồng, chu kỳ vay 31 ngày;

Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/01/2023 bà Thêm đã thanh toán cho A, C số tiền 12.000.000 đồng gồm một phần tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 1.200.000 đồng. Bà Thêm còn nợ A, C số tiền 18.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/01/2023 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 509.589 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/01/2023 là $30.000.000 \text{ đồng} \times 282,58\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 7.200.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 7.890.411 đồng.

Tổng số tiền A, C thu lợi bất chính đối với các khoản vay của bà Thêm là 29.293.151 đồng.

Đối với khoản vay bà Võ Thị V vay của Đinh Đức A, Bùi Doãn C:

+ Khoản vay ngày 22/8/2022 số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ vay 14 ngày;

Từ ngày 22/8/2022 đến ngày 04/9/2022 bà V đã thanh toán cho A, C số tiền 12.500.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 500.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 22/8/2022 đến ngày 04/9/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 14 \text{ ngày} = 76.712 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 22/8/2022 đến ngày 04/9/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 651,79\%/\text{năm} \times 14 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 2.923.288 đồng.

+ Khoản vay ngày 04/9/2022 số tiền 10.000.000 đồng, chu kỳ vay 07 ngày;

Từ ngày 04/9/2022 đến ngày 10/9/2022 bà V đã thanh toán cho A, C số tiền 12,500.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 500.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 04/9/2022 đến ngày 10/9/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 7 \text{ ngày} = 38.356 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 04/9/2022 đến ngày 10/9/2022 là $10.000.000 \text{ đồng} \times 1303,57\%/\text{năm} \times 7 \text{ ngày} = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 2.961.644 đồng.

+ Khoản vay ngày 10/9/2022 số tiền 15.000.000 đồng, chu kỳ vay 18 ngày;

Từ ngày 10/9/2022 đến ngày 27/9/2022 bà V đã thanh toán cho A, C số tiền 17.600.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 600.000 đồng, bà V còn nợ A, C 1.000.000 đồng tiền gốc.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 10/9/2022 đến ngày 27/9/2022 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 18 \text{ ngày} = 147.945 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 10/9/2022 đến ngày 27/9/2022 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 486,67\%/\text{năm} \times 18 \text{ ngày} = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 4.052.055 đồng.

+ Khoản vay ngày 27/9/2022 số tiền 15.000.000 đồng, chu kỳ vay 16 ngày;

Từ ngày 27/9/2022 đến ngày 12/10/2022 bà V đã thanh toán cho A, C số tiền 18.600.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 600.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 27/9/2022 đến ngày 12/10/2022 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 16 \text{ ngày} = 131.507 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 27/9/2022 đến ngày 12/10/2022 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 547,50\%/\text{năm} \times 16 \text{ ngày} = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 4.068.493 đồng.

+ Khoản vay ngày 12/10/2022 số tiền 15.000.000 đồng, chu kỳ vay 31 ngày;

Từ ngày 12/10/2022 đến ngày 11/11/2022 bà V đã thanh toán cho A, C số tiền 18.600.000 đồng gồm tiền gốc và lãi của chu kỳ vay, thanh toán phí vay là 600.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày 11/11/2022 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 254.795 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thỏa thuận của các bên tính từ ngày 12/10/2022 đến ngày 11/11/2022 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 282,58\%/\text{năm} \times 31 \text{ ngày} = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm phí vay + tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 3.945.205 đồng.

Tổng số tiền A, C thu lợi bất chính đối với các khoản vay của bà V là 17.950.685 đồng.

Đối với khoản vay ông Nguyễn G vay của Đình Đức A:

Khoản vay ngày 19/12/2022 số tiền 15.000.000 đồng, chu kỳ vay 95 ngày.

Từ ngày 19/12/2022 đến ngày 23/3/2023 ông G đã thanh toán cho Đình Đức A số tiền 14.250.000 đồng là tiền lãi của khoản vay, tiền gốc chưa thanh toán.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 19/12/2022 đến ngày 23/3/2023 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 95 \text{ ngày} = 780.822 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi theo thoả thuận của các bên tính từ ngày 19/12/2022 đến ngày 23/3/2023 là 15.000.000 đồng x 365%/năm x 95 ngày = 14.250.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính của khoản vay gồm tiền chênh lệch giữ lãi thu thực tế và lãi theo Bộ luật Dân sự cụ thể là 13.469.178 đồng.

Quá trình điều tra, Đinh Đức A, Đồng Văn B và Bùi Doãn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ đã trả lại cho chị Võ Thị V 01 giấy khai sinh (bản chính) số 12 tên Nguyễn Phú R và 01 giấy khai sinh (bản chính) số 193 tên Nguyễn Gia S; trả lại 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L cho bà Nguyễn Thị L; trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502342330 cho ông Nguyễn Văn P; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Quang N cho ông Bùi Quang N, theo Quyết định xử lý vật chứng số 88, 89, 90, 91/QĐ ngày 21/11/2023.

- Đối với 20 tờ rơi có nội dung cho vay tiền thu giữ của Bùi Doãn C, 05 tờ giấy kẻ ô, bên trong có ghi nội dung mượn tiền của Mai Đức D, Võ Thị V, Lê Thị I, Nguyễn G và Bùi Quang N. Hiện đã chuyển cùng hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max (đã được niêm phong). Hiện đã được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ bảo quản chờ xử lý.

Về phần dân sự:

Ngày 01/8/2023 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Mỹ đã ra B định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 10,11,12,13/QĐ: tạm giữ của ông Bùi Quang N số tiền 6.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn P số tiền 138.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thêm số tiền 18.000.000 đồng; ông Nguyễn G số tiền 15.000.000 đồng nhưng ông N, ông P, bà L và ông A chưa giao nộp.

- Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: ngoài cho 07 người trên vay tiền thì A, B, C còn cho người khác vay tiền lãi suất cao. Tuy nhiên, những người trên đã trả hết tiền cho các bị cáo hoặc sau khi vay tiền đã bỏ trốn, các bị cáo không còn lưu giữ những giấy tờ, tài liệu để xác định nhân thân, lai lịch của những người đã vay tiền nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Mỹ đang tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch của những người vay tiền. Khi nào xác minh được sẽ điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với Bùi Doãn H: có quan hệ quen biết với Bùi Doãn C. Ngày 23/3/2023 H được C rủ đi chơi, trên đường đi thì H thấy C phát các tờ rơi. Tuy nhiên, H không biết Vệc C cho người khác vay tiền lấy lãi suất cao nên hành V của H không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSPM ngày 28 tháng 2 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố Đinh Đức A về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; truy tố Đồng Văn B, Bùi Doãn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở Việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành V của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình I tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B, Bùi Doãn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 2 Điều 201, điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Đức A số tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 201, điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Văn B, Bùi Doãn C mỗi bị cáo số tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính đã đề xuất phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải B theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đinh Đức A, Đồng Văn B, Bùi Doãn C khai nhận toàn bộ hành V phạm tội của các bị cáo đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát Viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát Viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án không thuộc N hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra Viên, Viện kiểm sát, kiểm sát Viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Đinh Đức A, Đồng Văn B, Bùi Doãn C phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến ngày 23/3/2023 tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đinh Đức A đã cho ông Nguyễn G vay số tiền 15.000.000 đồng, với mức lãi suất là 365%/năm, gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 13.469.178 đồng; Đinh Đức A và Đồng Văn B đã cho ông Bùi Quang N, ông Mai Đức D, bà Lê Thị I, ông Nguyễn Văn P, vay tổng số tiền 350.000.000 đồng, với lãi suất từ 282.58%/năm đến 760.42%/năm, gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 94.787.671 đồng; Đinh Đức A và Bùi Doãn C đã cho bà Nguyễn Thị Thêm và bà Võ Thị V vay tổng số tiền 175.000.000 đồng, với lãi suất từ 282.58%/năm đến 1303.57%/năm, gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 47.243.836 đồng.

Tổng số tiền Đinh Đức A thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 155.500.685 đồng;

Tổng số tiền Đồng Văn B thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 94.787.671 đồng;

Tổng số tiền Bùi Doãn C thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 47.243.836 đồng.

Do đó hành vi của bị cáo Đinh Đức A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Đồng Văn B, Bùi Doãn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng nên đã cố ý thực hiện.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự phân công vai trò cụ thể nên là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Bị cáo A là người rủ rê C và B tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên A là người khởi xướng, C và B tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho A. Do đó cần xem xét vai trò của các bị cáo khi lượng hình.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc N hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần áp dụng quy định điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với Đinh Đức A gia đình có người có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình do đó cần áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.3]. Về nhân thân: Các Bị cáo có nhân thân tốt.

[5]. Về mức hình phạt:

Đối với Đinh Đức A là người khởi xướng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, là người cung cấp nguồn tiền cho các đối tượng vay nên đối với bị cáo phải có mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự để phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Đồng Văn B, Bùi Doãn C khi A rủ rê đã tích cực tham gia, đã tích cực phát tờ rơi, tìm kiếm người có nhu cầu vay tiền, đi thu tiền góp của người vay nên đối với bị cáo cần có mức phạt tiền phù hợp để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

[6.1]. Về số tiền thu lợi bất chính:

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị B 01/2021/NQ-HĐTP, bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B, Bùi Doãn C phải trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực tế thu, cụ thể như sau:

- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho ông Bùi Quang N số tiền 6.711.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 3.355.500 đồng.
- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho bà Lê Thị I số tiền 8.049.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 4.024.500 đồng.
- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho ông Mai Đức D số tiền 18.460.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 9.230.000 đồng.
- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 41.205.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 20.602.500 đồng.
- Buộc Đinh Đức A, Bùi Doãn C trả lại cho bà Nguyễn Thị Thêm số tiền 23.386.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 11.693.000 đồng.
- Buộc Đinh Đức A, Bùi Doãn C trả lại cho bà Võ Thị V số tiền 14.501.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 7.250.500 đồng.
- Buộc Đinh Đức A trả lại cho ông Nguyễn G số tiền 12.688.000 đồng.

[6.2]. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 5 Nghị B 01/2021/NQ – HĐTP, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các khoản tiền bị cáo dùng để cho vay, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (gọi tắt là tiền lãi theo quy định pháp luật) và tiền phí vay mà người phạm tội đã thu của người vay, cụ thể:

Đối với khoản vay của bà Lê Thị I:

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 37.100.684 đồng, cụ thể mỗi bị cáo nộp 18.550.000 đồng.

Đối với khoản vay của ông Mai Đức D

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 90.112.328 đồng, cụ thể mỗi bị cáo nộp 45.056.000 đồng.

- Ông Mai Đức D có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của ông Bùi Quang N:

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 31.410.958 đồng, cụ thể mỗi bị cáo nộp 15.705.000 đồng.

- Ông Bùi Quang N có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.500.000 đồng.

Đối với khoản vay của ông Nguyễn Văn P:

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 73.397.260 đồng, cụ thể mỗi bị cáo nộp 36.699.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 138.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Thêm

- Bị cáo Đinh Đức A, Bùi Doãn C có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 101.268.493 đồng, cụ thể mỗi bị cáo nộp 50.634.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thêm có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của bà Võ Thị V

- Bị cáo Đinh Đức A, Bùi Doãn C có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 67.284.932 đồng, cụ thể mỗi bị cáo nộp 33.642.000 đồng.

- Bà Võ Thị V có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của ông Nguyễn G

- Bị cáo Đinh Đức A có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 780.822 đồng;

- Ông Nguyễn G có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro là tài sản bị cáo A dùng để liên hệ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax là tài sản bị cáo C dùng để liên hệ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

[9]. Về các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: ngoài cho 07 người trên vay tiền thì A, B, C còn cho người khác vay tiền lãi suất cao. Tuy nhiên, những người trên

đã trả hết tiền cho các bị cáo hoặc sau khi vay tiền đã bỏ trốn, các bị cáo không còn lưu giữ những giấy tờ, tài liệu để xác định nhân thân, lai lịch của những người đã vay tiền nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phú Mỹ đang tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch của những người vay tiền. Khi nào xác minh được sẽ điều tra, giải B theo quy định của pháp luật.

- Đối với Bùi Doãn H: có quan hệ quen biết với Bùi Doãn C. Ngày 23/3/2023 H được C rủ đi chơi, trên đường đi thì H thấy C phát các tờ rơi. Tuy nhiên, H không biết Việc C cho người khác vay tiền lấy lãi suất cao nên hành vi của H không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải đóng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

B ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B, Bùi Doãn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

1. Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Đức A số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn B số tiền 60. 000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 201; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Doãn C 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 5 Nghị B 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và Việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với các khoản tiền các bị cáo dùng cho vay, số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và tiền phí vay mà người phạm tội đã thu của người vay, cụ thể:

Đối với khoản vay của bà Lê Thị I:

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 37.100.684đ (ba mươi bảy triệu một trăm nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng), cụ thể mỗi bị cáo nộp 18.550.000đ (mười tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với khoản vay của ông Mai Đức D

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 90.112.328đ (chín mươi triệu một trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi tám đồng), cụ thể mỗi bị cáo nộp 45.056.000đ (bốn mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Mai Đức D có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Đối với khoản vay của ông Bùi Quang N:

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 31.410.958đ (ba mươi một triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám đồng), cụ thể mỗi bị cáo nộp 15.705.000đ (mười lăm triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Ông Bùi Quang N có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với khoản vay của ông Nguyễn Văn P:

- Bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 73.397.260đ (bảy mươi ba triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng), cụ thể mỗi bị cáo nộp 36.699.000đ (ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 138.000.000đ (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị L

- Bị cáo Đinh Đức A, Bùi Doãn C có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 101.268.493đ (một trăm lẻ một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), cụ thể mỗi bị cáo nộp 50.634.000đ (năm mươi triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Đối với khoản vay của bà Võ Thị V

- Bị cáo Đinh Đức A, Bùi Doãn C có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 67.284.932đ (sáu mươi bảy triệu hi trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng), cụ thể mỗi bị cáo nộp 33.642.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

- Bà Võ Thị V có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Đối với khoản vay của ông Nguyễn G

- Bị cáo Đinh Đức A có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 780.822đ (bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng);

- Ông Nguyễn G có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

4.2. Về tiền thu lợi bất chính: Áp dụng quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị B 01/2021/NQ – HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và Việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo Đinh Đức A, Đồng

Văn B, Bùi Doãn C phải trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực tế thu, cụ thể như sau:

- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho ông Bùi Quang N số tiền 6.711.000đ (sáu triệu bảy trăm mười một nghìn đồng), cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 3.355.500đ (ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho bà Lê Thị I số tiền 8.049.000đ (tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng), cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 4.024.500đ (bốn triệu không trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho ông Mai Đức D số tiền 18.460.000đ (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 9.230.000đ (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

- Buộc Đinh Đức A, Đồng Văn B trả lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền 41.205.000đ (bốn mươi một triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng), cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 20.602.500đ (hai mươi triệu sáu trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng).

- Buộc Đinh Đức A, Bùi Doãn C trả lại cho bà Nguyễn Thị Thêm số tiền 23.386.000đ (hai mươi ba triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng), cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 11.693.000đ (mười một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng).

- Buộc Đinh Đức A, Bùi Doãn C trả lại cho bà Võ Thị V số tiền 14.501.000đ (mười bốn triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng), cụ thể mỗi bị cáo trả số tiền 7.250.500đ (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng).

- Buộc Đinh Đức A trả lại cho ông Nguyễn G số tiền 12.688.000đ (mười hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu vàng, không tìm thấy số Imel, máy đã cũ và không hoạt động của Đinh Đức A.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, không tìm thấy số Imel, máy đã cũ và không hoạt động của của Bùi Doãn C.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 70/BB-CCTHADS ngày 12/3/2024 giữa Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ).

6. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đinh Đức A, Đồng Văn B, Bùi Doãn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

7. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt

được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Phòng PV06, CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thu Hiền